

■ PLC 入力と端子台 XTB-40Hとの接続図

XTB-40H 端子台 NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ		PLC I/O	XTB-40H 端子台 NO.
		B	A		
B20	X00	20	20	X10	A20
B19	X01	19	19	X11	A19
B18	X02	18	18	X12	A18
B17	X03	17	17	X13	A17
B16	X04	16	16	X14	A16
B15	X05	15	15	X15	A15
B14	X06	14	14	X16	A14
B13	X07	13	13	X17	A13
B12	X08	12	12	X18	A12
B11	X09	11	11	X19	A11
B10	X0A	10	10	X1A	A10
B9	X0B	9	9	X1B	A9
B8	X0C	8	8	X1C	A8
B7	X0D	7	7	X1D	A7
B6	X0E	6	6	X1E	A6
B5	X0F	5	5	X1F	A5
B4	NC	4	4	NC	A4
B3	NC	3	3	NC	A3
B2	COM	2	2	NC	A2
B1	COM	1	1	NC	A1

■ PLC 出力と端子台 XTB-40Hとの接続図

XTB-40H 端子台 NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ		PLC I/O	XTB-40H 端子台 NO.
		B	A		
B20	Y00	20	20	Y10	A20
B19	Y01	19	19	Y11	A19
B18	Y02	18	18	Y12	A18
B17	Y03	17	17	Y13	A17
B16	Y04	16	16	Y14	A16
B15	Y05	15	15	Y15	A15
B14	Y06	14	14	Y16	A14
B13	Y07	13	13	Y17	A13
B12	Y08	12	12	Y18	A12
B11	Y09	11	11	Y19	A11
B10	Y0A	10	10	Y1A	A10
B9	Y0B	9	9	Y1B	A9
B8	Y0C	8	8	Y1C	A8
B7	Y0D	7	7	Y1D	A7
B6	Y0E	6	6	Y1E	A6
B5	Y0F	5	5	Y1F	A5
B4	NC	4	4	NC	A4
B3	NC	3	3	NC	A3
B2	12/24VDC	2	2	COM	A2
B1	12/24VDC	1	1	COM	A1

■ PLC 出力とリレーボード R32C (NPN, PNP)との接続図

RB 端子台 NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ		PLC I/O	RB 端子台 NO.
		B	A		
R1	Y00	20	20	Y10	R17
R2	Y01	19	19	Y11	R18
R3	Y02	18	18	Y12	R19
R4	Y03	17	17	Y13	R20
R5	Y04	16	16	Y14	R21
R6	Y05	15	15	Y15	R22
R7	Y06	14	14	Y16	R23
R8	Y07	13	13	Y17	R24
R9	Y08	12	12	Y18	R25
R10	Y09	11	11	Y19	R26
R11	Y0A	10	10	Y1A	R27
R12	Y0B	9	9	Y1B	R28
R13	Y0C	8	8	Y1C	R29
R14	Y0D	7	7	Y1D	R30
R15	Y0E	6	6	Y1E	R31
R16	Y0F	5	5	Y1F	R32
	NC	4	4	NC	
	NC	3	3	NC	
+24V	12/24VDC	2	2	COM	-24G
+24V	12/24VDC	1	1	COM	-24G

■ MITSUBISHI PLC (MELSEC iQ-R, Q, A1S)

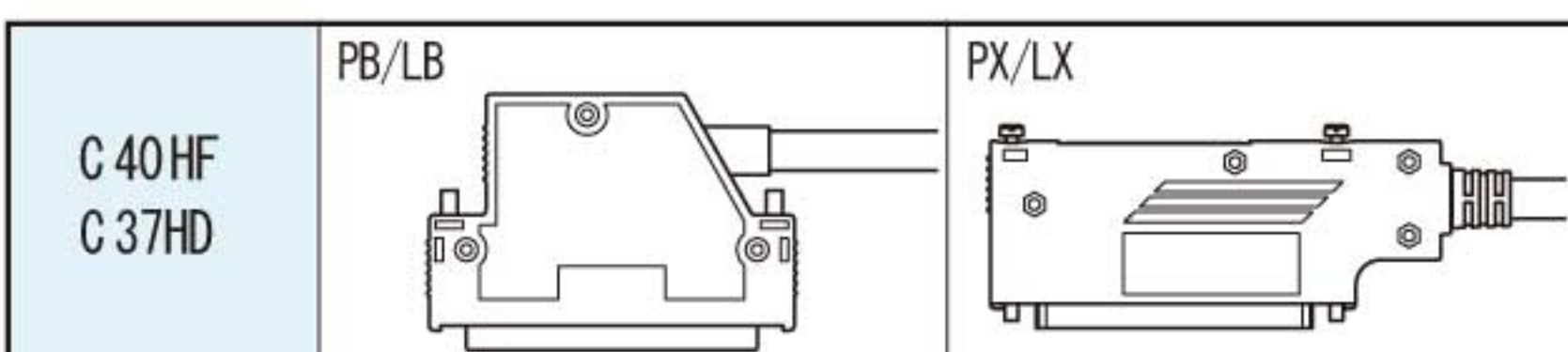
PLC 機種	I/O CARD	I/O 点数	入・出力にすべて端子台を使用する場合				出力にRELAY BOARD を使用する場合			
			端子台	数量	適用ケーブル	数量	リレーボード	数量	適用ケーブル	数量
iQ-R	RX41C4	32 (入)	XTB-40H	1	C40HF- □PB-1	1				
	RX42C4	64 (入)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2				
	RY41NT2P	32 (出)	XTB-40H	1	C40HF- □PB-1	1	R32C (NPN)	1	C40HF- □PB-1	1
	RY42NT2P	64 (出)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2	R32C (NPN)	2	C40HF- □PB-1	2
	RH42C4NT2P	32 (入)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2				
		32 (出)					R32C (NPN)	1	C40HF- □PB-1	1
	RY41PT2P	32 (出)	XTB-40H	1	C40HF- □PB-1	1	R32C (PNP)	1	C40HF- □PB-MIP1	1
RY42PT2P	64 (出)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2	R32C (PNP)	2	C40HF- □PB-MIP1	2	
Q	QX41	32 (入)	XTB-40H	1	C40HF- □PB-1	1				
	QX42	64 (入)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2				
	QX82	64 (入)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2				
	QY41P	32 (出)	XTB-40H	1	C40HF- □PB-1	1	R32C (NPN)	1	C40HF- □PB-1	1
	QY42P	64 (出)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2	R32C (NPN)	2	C40HF- □PB-1	2
	QY82P	64 (出)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2	R32C (PNP)	2	C40HF- □PB-MIP1	2
A1S	A1SX41	32 (入)	XTB-40H	1	C40HF- □PB-1	1				
	A1SX42	64 (入)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2				
	A1SX82	64 (入)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2				
	A1SY41	32 (出)	XTB-40H	1	C40HF- □PB-1	1	R32C (NPN)	1	C40HF- □PB-1	1
	A1SY42	64 (出)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2	R32C (NPN)	2	C40HF- □PB-1	2
	A1SH42	32 (入)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2				
		32 (出)					R32C (NPN)	1	C40HF- □PB-1	1
	A1SY82	64 (出)	XTB-40H	2	C40HF- □PB-1	2	R32C (PNP)	2	C40HF- □PB-MIP1	2

※□はケーブル長を表し0.5mは05、1mは10、1.5mは15、10mは100としご選定ください。

※ 接続図は参考用でありPLCメーカーが提供する電源ならびにI/O Addressを確認後結線してください。

※ □部分にはPNP 出力カードを表します。リレーボードならびにケーブル選定の際はご注意願います。

※ ケーブルはご使用用途によってPLC側のコネクタ形態を選定しご使用ください。



■ PLC 入力と端子台 XTB-40Hとの接続図

XTB-40H 端子台NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ	PLC I/O	XTB-40H 端子台NO.	
A20		<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="writing-mode: vertical-rl; text-orientation: upright;"> 19 18 17 16 15 14 13 12 11 10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 </div> <div style="writing-mode: vertical-rl; text-orientation: upright;"> 37 36 35 34 33 32 31 30 29 28 27 26 25 24 23 22 21 20 </div> </div>		B20	
A19	NC				B19
A18	COM			NC	B18
A17	COM			COM	B17
A16	X1E			X1F	B16
A15	X1C			X1D	B15
A14	X1A			X1B	B14
A13	X18			X19	B13
A12	X16			X17	B12
A11	X14			X15	B11
A10	X12			X13	B10
A9	X10			X11	B9
A8	X0E			X0F	B8
A7	X0C			X0D	B7
A6	X0A			X0B	B6
A5	X08			X09	B5
A4	X06			X07	B4
A3	X04			X05	B3
A2	X02			X03	B2
A1	X00			X01	B1

■ PLC 出力と端子台 XTB-40Hとの接続図

XTB-40H 端子台NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ	PLC I/O	XTB-40H 端子台NO.	
A20		<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="writing-mode: vertical-rl; text-orientation: upright;"> 19 18 17 16 15 14 13 12 11 10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 </div> <div style="writing-mode: vertical-rl; text-orientation: upright;"> 37 36 35 34 33 32 31 30 29 28 27 26 25 24 23 22 21 20 </div> </div>		B20	
A19	0V				B19
A18	COM			0V	B18
A17	COM			COM	B17
A16	Y1E			Y1F	B16
A15	Y1C			Y1D	B15
A14	Y1A			Y1B	B14
A13	Y18			Y19	B13
A12	Y16			Y17	B12
A11	Y14			Y15	B11
A10	Y12			Y13	B10
A9	Y10			Y11	B9
A8	Y0E			Y0F	B8
A7	Y0C			Y0D	B7
A6	Y0A			Y0B	B6
A5	Y08			Y09	B5
A4	Y06			Y07	B4
A3	Y04			Y05	B3
A2	Y02			Y03	B2
A1	Y00			Y01	B1

■ PLC 出力とリレーボード R32C (PNP)との接続図

RB 端子台 端子台NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ	PLC I/O	RB 端子台 端子台NO.	
-24G	0V	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="writing-mode: vertical-rl; text-orientation: upright;"> 19 18 17 16 15 14 13 12 11 10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 </div> <div style="writing-mode: vertical-rl; text-orientation: upright;"> 37 36 35 34 33 32 31 30 29 28 27 26 25 24 23 22 21 20 </div> </div>		0V	
+24V	COM				-24G
+24V	COM			COM	+24V
R31	Y1E			Y1F	R32
R29	Y1C			Y1D	R30
R27	Y1A			Y1B	R28
R25	Y18			Y19	R26
R23	Y16			Y17	R24
R21	Y14			Y15	R22
R19	Y12			Y13	R20
R17	Y10			Y11	R18
R15	Y0E			Y0F	R16
R13	Y0C			Y0D	R14
R11	Y0A			Y0B	R12
R9	Y08			Y09	R10
R7	Y06			Y07	R8
R5	Y04			Y05	R6
R3	Y02			Y03	R4
R1	Y00			Y01	R2

※ A1Sシリーズはコネクタ方向が反対です。Addressは同じです。

■ MITSUBISHI PLC (MELSEC Q, A1S)

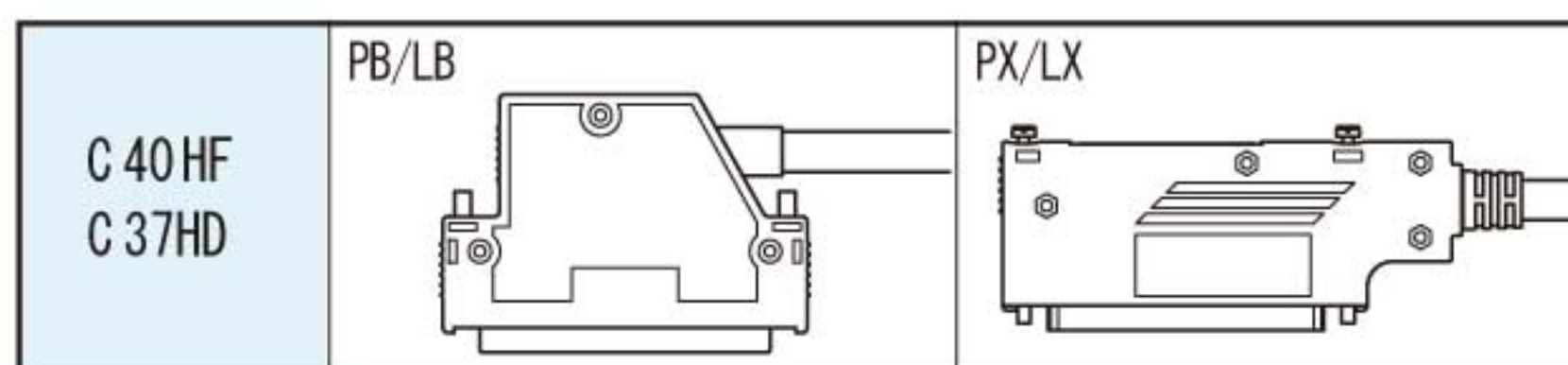
PLC 機種	I/O CARD	I/O 点数	入・出力にすべて端子台を使用する場合			出力にRELAY BOARD を使用する場合			
			端子台	数量	適用ケーブル	リレーボード	数量	適用ケーブル	数量
Q	QX81	32 (入)	XTB-40H	1	C37HD- □PB-MI1	1			
	QY81P	32 (出)	XTB-40H	1	C37HD- □PB-MI1	1	R32C (PNP)	1	C37HD- □PB-MIP1
A1S	A1SX81	32 (入)	XTB-40H	1	C37HD- □PB-MI3	1			
	A1SY81 (EP)	32 (出)	XTB-40H	1	C37HD- □PB-MI3	1	R32C (PNP)	1	C37HD- □PB-MIP3

※ □はケーブル長を表し0.5mは05、1mは10、1.5mは15、10mは100としご選定ください。

※ 接続図は参考用でありPLCメーカーが提供する電源ならびにI/O Addressを確認後結線してください。

※ □部分にはPNP出力カードを表します。リレーボードならびにケーブル選定の際はご注意願います。

※ ケーブルご使用用途によってPLC側のコネクタ形態を選定しご使用ください。



■ PLC 入力と端子台 XTB-20Hとの接続図

XTB-20H 端子台 NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ	PLC I/O	XTB-20H 端子台 NO.
A1	X00	20 19	X10	B1
A2	X01	18 17	X11	B2
A3	X02	16 15	X12	B3
A4	X03	14 13	X13	B4
A5	X04	12 11	X14	B5
A6	X05	10 9	X15	B6
A7	X06	8 7	X16	B7
A8	X07	6 5	X17	B8
A9	COM	4 3	COM	B9
A10	NC	2 1	NC	B10

■ PLC 出力と端子台 XTB-20Hとの接続図

XTB-20H 端子台 NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ	PLC I/O	XTB-20H 端子台 NO.
A1	Y00	20 19	Y10	B1
A2	Y01	18 17	Y11	B2
A3	Y02	16 15	Y12	B3
A4	Y03	14 13	Y13	B4
A5	Y04	12 11	Y14	B5
A6	Y05	10 9	Y15	B6
A7	Y06	8 7	Y16	B7
A8	Y07	6 5	Y17	B8
A9	COM	4 3	COM	B9
A10	NC	2 1	NC	B10

■ PLC 出力とリレーボード R16C (NPN) との接続図

RB 端子台 NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ	PLC I/O	RB 端子台 NO.
R1	Y00	20 19	Y10	R9
R2	Y01	18 17	Y11	R10
R3	Y02	16 15	Y12	R11
R4	Y03	14 13	Y13	R12
R5	Y04	12 11	Y14	R13
R6	Y05	10 9	Y15	R14
R7	Y06	8 7	Y16	R15
R8	Y07	6 5	Y17	R16
-24G	COM	4 3	COM	-24G
	NC	2 1	NC	

■ MITSUBISHI PLC (FX2NC)

PLC 機種	I/O CARD	I/O 点数	入・出力にすべて端子台を使用する場合				出力にRELAY BOARDを使用する場合			
			端子台	数量	適用ケーブル	数量	リレーボード	数量	適用ケーブル	数量
FX ₂ NC	32MT	混合32	XTB-20H	2	C20HH- □SL-2A C20HH- □SL-1A	1 1	R16C (NPN)	1	C20HH- □SL-FX1	1
	64MT	混合64	XTB-20H	4	C20HH- □SL-2A C20HH- □SL-1A	2 2	R16C (NPN)	2	C20HH- □SL-FX1	2
	96MT	混合96	XTB-20H	6	C20HH- □SL-2A C20HH- □SL-1A	3 3	R16C (NPN)	3	C20HH- □SL-FX1	3

■ PLC 出力と端子台 XTB-20Hとの接続図

XTB-20H 端子台 NO.	PLC I/O	PLC側 コネクタ	PLC I/O	XTB-20H 端子台 NO.
A1	X00	20 19		B1
A2	X01	18 17		B2
A3	X02	16 15		B3
A4	X03	14 13		B4
A5	X04	12 11		B5
A6	X05	10 9		B6
A7	X06	8 7		B7
A8	X07	6 5		B8
A9	COM	4 3	COM	B9
A10	NC	2 1	NC	B10

■ MITSUBISHI PLC (FX2NC)

PLC 機種	I/O CARD	I/O 点数	入・出力にすべて端子台を使用する場合			
			端子台	数量	適用ケーブル	数量
FX ₂ NC	16MT	混合16	XTB-20H	2	C20HH- □SL-2A C20HH- □SL-1A	1 1

※ □はケーブル長を表し0.5mは05、1mは10、1.5mは15、10mは100としご選定ください。

※ 接続図は参考用でありPLCメーカーが提供する電源ならびにI/O Addressを確認後結線してください。

※ ケーブルはご使用用途によってPLC側のコネクタ形態を選定しご使用ください。

